



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC

Auditing & Informatic Services Company Limited

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2008
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN**

AISC

ACCOMPANY WITH BUSINESS

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 4
Báo cáo kiểm toán	5 - 6
Bảng cân đối kế toán	7 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh các báo cáo tài chính	11 - 33

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Ban Tổng Giám đốc trân trọng đề trình bản báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn (“Công ty”) cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

1. CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000992 ngày 14 tháng 05 năm 2002 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp, thay đổi lần thứ 9 ngày 24 tháng 09 năm 2007.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại: Lô 46 Công viên Phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh.

Hệ thống các chi nhánh, văn phòng đại diện trực thuộc Công ty:

- Văn Phòng Đại Diện thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện số 4123000781 ngày 24 tháng 07 năm 2002.

Địa chỉ: 371P. Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3, Tp Hồ Chí Minh.

- Văn Phòng Đại Diện tại Hà Nội.

Địa chỉ: 34 Phan Đình Phùng, Quận Ba Đình, Hà Nội.

- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn tại Bắc Ninh thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 21.13.000043 ngày 09 tháng 09 năm 2004.(Đăng ký thay đổi lần 1, ngày 27 tháng 07 năm 2007).

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Đại Đồng Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

- Chi nhánh Tân Tạo – Công ty Cổ Phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 4113026781 ngày 04 tháng 04 năm 2007.

Địa chỉ: Lô 9, Đường C, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Mua bán máy vi tính, thiết bị điện - điện tử, vật tư - thiết bị bưu chính viễn thông (phải thực hiện theo quy định của pháp luật).

- Mua bán, lắp đặt vật tư, thiết bị truyền dẫn, đầu nối, thiết bị bảo vệ phục vụ ngành thông tin.

- Tư vấn kỹ thuật ngành tin học.

- Thiết kế, lắp đặt hệ thống mạng máy tính.

- Sản xuất, mua bán phần mềm.

- Dịch vụ tin học: lắp đặt, sửa chữa, bảo trì máy tính.

- Sản xuất CD-VCD có nội dung được phép lưu hành (không kinh doanh băng đĩa tại trụ sở).

- Đào tạo dạy nghề.

- Đại lý cung cấp dịch vụ Internet (không kinh doanh đại lý cung cấp dịch vụ Internet tại trụ sở).

- Đại lý cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông.

- Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng trong các khu công nghiệp.

- Đầu tư xây dựng và kinh doanh khu công nghiệp, khu dân cư đô thị, khu kỹ thuật công nghệ tin học.

- Tư vấn đầu tư, tư vấn khoa học kỹ thuật.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

- Dịch vụ chuyển giao công nghệ.
- Xây dựng công nghiệp, dân dụng, giao thông, cầu đường, thủy lợi, công trình điện kế 35KV.
- Dịch vụ giao nhận hàng hoá, cho thuê kho bãi.
- Kinh doanh nhà, xưởng (xây dựng, sửa chữa nhà để bán hoặc cho thuê).
- Đầu tư, xây dựng, kinh doanh khu vui chơi giải trí (không kinh doanh khu vui chơi giải trí tại Tp. Hồ Chí Minh).
- Cung cấp dịch vụ trò chơi trực tuyến, trò chơi điện tử (không tổ chức cho khách truy cập Internet tại trụ sở).
- Kinh doanh bất động sản (trừ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản).
- Mua bán máy móc, thiết bị ngành viễn thông.
- Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa, bảo hành thiết bị viễn thông và tin học.
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá.
- Dịch vụ giao nhận hàng hoá.

2. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Hội đồng Quản trị

Ông Đặng Thành Tâm	: Chủ tịch HĐQT
Ông Chung Trí Phong	: Ủy viên HĐQT
Ông Nguyễn Vĩnh Thọ	: Ủy viên HĐQT
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	: Ủy viên HĐQT
Ông Đặng Nhứt	: Ủy viên HĐQT

Ban Kiểm soát

Bà Ngô Thị Phương Thủy	: Trưởng Ban kiểm soát
Ông Lê Chí Cường	: Thành viên
Ông Nguyễn Văn Xuân	: Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Đặng Thị Hoàng Phượng	: Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Ngọc Huy	: Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	: Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Hoàng	: Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Tuyên	: Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Hùng Tiến	: Phó Tổng Giám đốc – Kiêm Giám đốc CN Bắc Ninh
Ông Hoàng Sĩ Hóa	: Phó Tổng Giám đốc
Bà Hoàng Thị Lan Hương	: Giám Đốc CN Tân Tạo

Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bà Lê Thị Mỹ Hạnh : Kế toán trưởng Công ty
Ông Phạm Phúc Hiếu : Kế toán trưởng CN Bắc Ninh
Bà Lê Thị Xuân Lại : Kế toán trưởng CN Tân Tạo

3. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NIÊN ĐỘ 2008

Ban Tổng Giám đốc nhất trí với các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm Toán và Dịch Vụ Tin Học TP. Hồ Chí Minh (AISC)

- **Tổng doanh thu:** 892.027.462.453 VNĐ
- **Tổng chi phí:** 818.538.646.002 VNĐ
- **Lãi sau thuế:** 73.488.816.451 VNĐ

4. KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP. HCM (AISC) được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Công ty Cổ phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn.

5. CAM KẾT CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý các Báo cáo tài chính của Công ty cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau:

- Trước khi các báo cáo tài chính của Công ty được lập, Ban Tổng Giám đốc đã tiến hành những bước cần thiết để đảm bảo rằng giá trị sổ sách của bất kỳ tài sản lưu động nào của Công ty đã được xác định phù hợp với giá trị thực tế của tài sản vào thời điểm kết thúc niên độ.
- Không có bất kỳ sự kiện hay trường hợp bất thường nào xảy ra kể từ ngày kết thúc niên độ đến thời điểm lập báo cáo này có thể dẫn đến sự hiểu nhầm về các số liệu trình bày trong các báo cáo tài chính của Công ty.
- Không có một thế chấp nào bằng tài sản của Công ty kể từ cuối năm tài chính để đảm bảo cho những khoản nợ của bất kỳ cá nhân nào khác.
- Không có một khoản nợ ngoài dự kiến nào hay một khoản nợ nào khác của Công ty sẽ hay có thể làm ảnh hưởng một cách nghiêm trọng đến khả năng thực hiện nghĩa vụ của Công ty, khi các khoản nợ này đến hạn trả hay khi Công ty bị bắt buộc phải trả hoặc có thể bị bắt buộc phải trả trong thời hạn mười hai tháng sau khi kết thúc năm tài chính.
- Các hoạt động trong năm của Công ty được phản ánh trên báo cáo tài chính không có khả năng bị ảnh hưởng một cách nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ, sự kiện có bản chất trọng yếu hay bất thường nào đã phát sinh cho đến ngày lập báo cáo này.
- Trong trường hợp cần thiết, các thông tin cần công bố được giải trình trong phần thuyết minh báo cáo tài chính.
- Lựa chọn các chính sách kế toán được thích hợp và áp dụng một cách nhất quán, các ước tính được đánh giá hợp lý và thận trọng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

6. XÁC NHẬN

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi nhận thấy rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

TM. Ban Tổng Giám đốc



HÒANG SĨ HÒA
Phó Tổng Giám đốc

Tp Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2009



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC

Auditing & Informatic Services Company Limited

Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh

Tel: (84.8) 3930 5163 (10 Lines)

Fax: (84.8) 3930 4281

Email: aisc@aisc.com.vn

Website: www.aisc.com.vn



Số: 0409132/AISC-DN1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2008 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

Kính gửi: Hội đồng Quản trị

Ban Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008, được lập ngày 20 tháng 02 năm 2009 của Công ty Cổ phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn từ trang 7 đến trang 33 kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm Ban Tổng Giám đốc quý Công ty. Trách nhiệm của kiểm toán viên là căn cứ vào việc kiểm toán để hình thành một ý kiến độc lập về các báo cáo tài chính này.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và những chuẩn mực kiểm toán quốc tế được Nhà nước Việt Nam thừa nhận. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Trên căn bản áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu, cuộc kiểm toán bao gồm việc xem xét các chứng cứ liên quan đến số liệu và công bố trên báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá về những ước lượng và những ý kiến quan trọng đã được thể hiện bởi Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính.

Chúng tôi đã lập kế hoạch và hoàn thành cuộc kiểm toán để đạt được tất cả các thông tin và các giải trình cần thiết. Chúng tôi tin rằng việc kiểm toán đã cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Trang 5

Branch in Ha Noi : C2 Room, 24 Floor - E9 Lot, VIMECO Building, Pham Hung St, Cau Giay Dist, Ha Noi

Tel: (04) 3782 0045/46 /47 Fax : (04) 3782 0048 Email: aishn@hn.vnn.vn

Branch in Da Nang : 92 A Quang Trung St, Hai Chau Dist, Da Nang

Tel: (0511) 389 5619 Fax : (0511) 389 5620 Email: aiscdt@dng.vnn.vn

Representative in Can Tho : 64 Nam Ky Khoi Nghia St, Ninh Kieu Dist, Can Tho

Tel: (0710) 3813 004 Fax : (0710) 3828 765

Representative in Hai Phong : 21 Luong Khanh Thien St, Ngo Quyen Dist, Hai Phong

Tel: (031) 3920 797 Fax : (031) 3920 973

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo quan điểm của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Kiểm toán viên



Phạm Thị Hồng Uyên

Chứng chỉ KTV số: 0794KTV
Do Bộ Tài Chính Việt Nam cấp.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2009



Phạm Văn Vinh

Chứng chỉ KTV số: Đ112/KTV
Do Bộ Tài Chính Việt Nam cấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		210,327,375,783	353,498,369,974
I. Tiền	110		13,539,874,300	10,853,224,389
1. Tiền	111	V.1	13,539,874,300	10,853,224,389
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	40,000,000,000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		40,000,000,000	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.3	121,155,429,865	137,380,850,282
1. Phải thu khách hàng	131	V.3.1	43,675,811,052	7,647,637,156
2. Trả trước cho người bán	132	V.3.2	3,192,686,968	66,143,569,459
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	V.3.3	-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.3.4	74,286,931,845	63,589,643,667
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.4	16,531,745,141	185,146,938,616
1. Hàng tồn kho	141		16,531,745,141	185,146,938,616
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	V.5	19,100,326,477	20,117,356,687
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5.1	188,295,202	103,786,305
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.5.2	10,608,061,589	19,238,076,129
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.5.3	-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.5.4	8,303,969,686	775,494,253
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		998,942,824,626	857,720,409,507
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220	V.6	230,338,737,202	150,598,172,150
1. TSCĐ hữu hình	221	V.6.1	44,433,477,250	49,564,669,558
- Nguyên giá	222		52,437,614,891	57,693,037,586
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8,004,137,641)	(8,128,368,028)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	V.6.2	14,155,707	-
- Nguyên giá	228		17,572,610	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3,416,903)	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7	185,891,104,245	101,033,502,592
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.8	756,898,382,133	706,322,737,000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.8.1	150,297,645,133	120,000,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết liên doanh	252	V.8.2	52,805,212,000	44,077,712,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.8.3	553,795,525,000	542,245,025,000
V. Tài sản dài hạn khác	260		11,705,705,291	799,500,357
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9.1	11,553,976,668	519,735,749
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.9.2	151,728,623	279,764,608
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,209,270,200,409	1,211,218,779,481

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		535.599.855.053	609.640.642.910
I. Nợ ngắn hạn	310	V.10	404.680.247.131	519.996.263.627
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10.1	40.693.090.909	148.537.000.000
2. Phải trả cho người bán	312	V.10.2	17.018.019.653	1.809.508.632
3. Người mua trả tiền trước	313	V.10.3	42.960.903.978	15.986.996.436
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10.4	2.139.601.331	44.080.490.093
5. Phải trả người lao động	315	V.10.5	963.395.358	462.832.930
6. Chi phí phải trả	316	V.10.6	141.504.961.456	126.590.466.156
7. Phải trả nội bộ	317	V.10.7	-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.10.8	159.400.274.446	182.528.969.380
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		130.919.607.922	89.644.379.283
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.11.1	1.449.698.831	1.716.930.586
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.11.2	129.469.909.091	87.927.448.697
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		673.670.345.356	601.578.136.571
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.12	672.980.186.083	601.491.419.632
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		585.000.000.000	450.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(50.000)	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		87.980.236.083	151.491.419.632
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	V.13	690.159.273	86.716.939
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		690.159.273	86.716.939
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.209.270.200.409	1.211.218.779.481

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THỊ MỸ HẠNH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2009

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



HÒANG SĨ HOA

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.085.562.689.070	851.215.587.725
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		222.808.042.300	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	10		862.754.646.770	851.215.587.725
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	792.969.679.585	683.511.665.573
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	20		69.784.967.185	167.703.922.152
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	21.546.617.093	2.289.131.932
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	8.839.545.583	1.491.611.808
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.173.605.615	1.215.070.126
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	171.506.465	295.248.672
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	7.358.233.575	3.546.868.247
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		74.962.298.655	164.659.325.357
11. Thu nhập khác	31	VI.7	7.726.198.590	714.535.809
12. Chi phí khác	32	VI.8	7.750.657.987	56.196.735
13. Lợi nhuận khác (31-32)	40		(24.459.397)	658.339.074
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (30+40)	50		74.937.839.258	165.317.664.431
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	1.449.022.807	28.628.026.633
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		73.488.816.451	136.689.637.798
18. Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu	70		1.419	3.813

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2009

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THỊ MỸ HẠNH

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



HÒANG SĨ HÓA

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		74.937.839.258	165.317.664.431
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		3.519.818.397	2.644.052.595
Các khoản dự phòng	03		-	-
Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
Lãi/lỗ do từ hoạt động đầu tư	05		(21.191.238.377)	(2.225.326.060)
Chi phí lãi vay	06		1.173.605.615	1.215.070.126
Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		58.440.024.893	166.951.461.092
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		122.888.833.777	(175.601.522.406)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		168.615.193.475	(147.763.092.435)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11		(220.651.942.278)	410.803.075.992
Tăng/ giảm chi phí trả trước	12		(11.118.749.815)	(406.636.882)
Tiền lãi vay đã trả	13		(1.173.605.615)	(1.215.070.126)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(30.970.257.958)	(354.624.799)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		603.442.334	551.245.011
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		86.632.938.813	252.964.835.447
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(90.576.027.894)	(125.548.771.589)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22		7.315.644.445	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	23		(40.000.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(50.575.645.133)	(700.422.737.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		21.191.238.377	2.225.326.060
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(152.644.790.205)	(823.746.182.529)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31		134.999.950.000	400.000.000.000
Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu	32		-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn	33		156.216.090.909	221.705.388.353
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(222.517.539.606)	(31.693.324.003)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	(10.130.908.278)
Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		68.698.501.303	579.881.156.072
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		2.686.649.911	9.099.808.990
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		10.853.224.389	1.753.415.399
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ	70		13.539.874.300	10.853.224.389

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THỊ MỸ HẠNH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2009

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



HÒANG SĨ HÓA

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

I ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1 Hình thức sở hữu vốn

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000992 ngày 14 tháng 05 năm 2002 (đăng ký thay đổi gần nhất lần thứ 9 ngày 24 tháng 09 năm 2007) do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tp. Hồ Chí Minh cấp.

Tổng vốn điều lệ của Công ty cổ phần là: 630.000.000.000 VNĐ

Vốn điều lệ thực góp đến ngày 31/12/2008 là: 585.000.000.000 VNĐ

Trụ sở chính công ty hiện đặt tại: Lô 46 Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh.

2 Lĩnh vực kinh doanh

Đầu tư, kinh doanh thương mại, xây dựng, thiết kế, tư vấn và dịch vụ

3 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

Mua bán máy vi tính, thiết bị điện - điện tử, vật tư - thiết bị bưu chính viễn thông (phải thực hiện theo quy định của pháp luật).

Mua bán, lắp đặt vật tư, thiết bị truyền dẫn, đầu nối, thiết bị bảo vệ phục vụ ngành thông tin.

Tư vấn kỹ thuật ngành tin học.

Thiết kế, lắp đặt hệ thống mạng máy tính.

Sản xuất, mua bán phần mềm.

Dịch vụ tin học: lắp đặt, sửa chữa, bảo trì máy tính.

Sản xuất CD-VCD có nội dung được phép lưu hành (không kinh doanh băng đĩa tại trụ sở).

Đào tạo dạy nghề.

Đại lý cung cấp dịch vụ Internet (không kinh doanh đại lý cung cấp dịch vụ internet tại trụ sở).

Đại lý cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông.

Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng trong các khu công nghiệp.

Đầu tư xây dựng và kinh doanh khu công nghiệp, khu dân cư đô thị, khu kỹ thuật công nghệ tin học.

Tư vấn đầu tư, tư vấn khoa học kỹ thuật.

Dịch vụ chuyển giao công nghệ.

Xây dựng công nghiệp, dân dụng, giao thông, cầu đường, thủy lợi, công trình điện đến 35KV.

Dịch vụ giao nhận hàng hóa, cho thuê kho bãi.

Kinh doanh nhà, xưởng (xây dựng, sửa chữa nhà để bán hoặc cho thuê).

Đầu tư, xây dựng, kinh doanh khu vui chơi giải trí (không kinh doanh khu vui chơi giải trí tại Tp. Hồ Chí Minh).

Cung cấp dịch vụ trò chơi trực tuyến, trò chơi điện tử (không tổ chức cho khách truy nhập internet tại trụ sở).

Kinh doanh bất động sản (trừ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản).

Mua bán máy móc, thiết bị ngành viễn thông.

Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa, bảo hành thiết bị viễn thông và tin học.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

Đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá.

Dịch vụ giao nhận hàng hoá.

Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng: dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xử lý dữ liệu, dịch vụ trao đổi dữ liệu điện tử (không kinh doanh đại lý truy nhập - truy cập internet tại trụ sở).

Môi giới thương mại

Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường biển

4 Tổng số Công nhân viên

Tổng số Công nhân viên của Công ty: 161 người

Trong đó: Nhân viên quản lý: 26 người.

II NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1 Niên độ kế toán

Bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính ban hành theo Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài Chính.

2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo quy định của Nhà nước Việt Nam về chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam; phù hợp với những chuẩn mực kế toán quốc tế và những thông lệ kế toán được Nhà nước Việt Nam thừa nhận.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong Bản Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu qui định tại Chuẩn mực số 21 - Trình bày Báo Cáo Tài Chính.

Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp. Để đảm bảo yêu cầu trung thực và hợp lý, các báo cáo tài chính được lập và trình bày trên cơ sở tuân thủ và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định có liên quan hiện hành.

3 Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật Ký Chung.

IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và phương pháp chuyển đổi ngoại tệ

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (VNĐ) được quy đổi theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 31/12/2008 là 16.977VNĐ/USD.

2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

3 Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc - bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại - trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng lỗi thời.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Nguyên tắc ghi nhận Tài sản cố định: Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Phương pháp khấu hao Tài sản cố định: Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản.

Tỷ lệ khấu hao được áp dụng theo quy định tại Quyết định 206/2003/QĐ/BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài Chính.

Thời gian khấu hao được áp dụng tại Công ty cho các nhóm tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 - 25	năm
Máy móc, thiết bị	05	năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 15	năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 05	năm

5 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản vô hình

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 5 năm.

6 Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng tài sản thể hiện theo nguyên giá. Không tính hao mòn trong giai đoạn xây dựng cơ bản dở dang

7 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

7.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Các Công ty được xem là công ty liên kết với công ty khi công ty có vốn chủ sở hữu dài hạn trong các công ty này từ 20% đến dưới 50% (từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết), có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Phương pháp giá gốc là phương pháp kế toán mà khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh chỉ phản ánh khoản thu nhập của các nhà đầu tư được phân chia từ lợi nhuận thuần lỹ kế của bên nhận đầu tư.

7.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con

Các Công ty được xem là công ty con của công ty khi công ty nắm quyền kiểm soát tại các công ty này. Quyền kiểm soát được xác lập khi công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con để có quyền kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty đó.

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp giá gốc được qui định trong Chuẩn mực kế toán số 25 - Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con. Dự phòng giảm giá trị đầu tư được lập theo ý kiến của Ban Giám đốc khi các khoản giảm giá trị này không phải là tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập với điều kiện giá trị ghi sổ sau hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư nếu như dự phòng chưa được ghi nhận.

7.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư ngắn hạn.

Đầu tư ngắn hạn ghi nhận theo giá gốc. Đầu tư ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

7.4 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn được ghi nhận theo giá gốc. Đầu tư dài hạn của Công ty chủ yếu là các khoản đầu tư vốn vào các tổ chức kinh tế, tổ chức tín dụng với mục tiêu đầu tư chiến lược lâu dài. Theo thông tư 13/2006/TT-BTC ngày 27/02/2006 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ trích lập các khoản dự phòng, đối với các khoản đầu tư dài hạn Công ty sẽ trích lập dự phòng khi xác định được các khoản đầu tư này bị giảm sút giá trị không phải tạm thời và ngoài kế hoạch do kết quả hoạt động của các công ty được đầu tư bị lỗ.

8 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay: Lãi tiền vay của khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản. Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh. Chi phí lãi vay được vốn hoá khi có đủ điều kiện quy định trong chuẩn mực Chi phí lãi vay. Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

9 Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

9.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn chủ yếu bao gồm: chi phí về công cụ, dụng cụ... được thể hiện theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn không quá không quá 12 tháng.

9.2 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm: chi phí ban đầu của các dự án, chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử, sửa chữa lớn được thể hiện theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn từ 01 năm đến 03 năm.

10 Khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

11 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Bao gồm những chi phí sau: Chi phí tiền điện, nước, tiền lương, chi phí tiền cơm...

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng và ước tính hợp lý về giá vốn của hoạt động cho thuê lại đất trong kỳ. Giá vốn hoạt động cho thuê lại đất được tính toán dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã phục vụ cho hoạt động cho thuê lại đất trong kỳ như sau:

$$\text{Giá vốn hoạt động cho thuê đất} = \text{Diện tích đất cho thuê trong kỳ} \times \text{Giá vốn/1m2 đất cho thuê theo dự toán đầu tư} \times \text{Tỷ lệ (\%) ghi nhận doanh thu trong kỳ so với tổng giá trị thực hiện hợp đồng}$$

Trong đó: Đơn giá dự toán đất cho thuê KCN Đại Đồng Hoàn Sơn là 370.000đ/m² diện tích thương phẩm.

12 Nguyên tắc ghi nhận Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu: được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được do biểu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Căn cứ vào Điều lệ của Công ty và Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

13 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu

13.1 Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của khoản tiền nhận được, không bao gồm các khoản chiết khấu, giảm giá và các khoản thuế tiêu thụ đặc biệt. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng: được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu về các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chuyển giao đất, cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng và cho thuê văn phòng nhà xưởng: được xác định là giá trị hợp lý của khoản tiền nhận được chiết khấu theo lãi suất chiết khấu có hiệu lực trên thị trường khi đất và đất đã phát triển cơ sở hạ tầng được giao cho khách hàng trên thực tế.

13.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

13.3 Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

14 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản Chi phí Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định trên lợi nhuận (lỗ) của năm hiện hành bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế thu nhập hiện hành: là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập bảng cân đối kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Theo Nghị Định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/02/2007 về quy định chi tiết thi hành Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp và Thông Tư Hướng dẫn số 134/2007/TT-BTC ngày 23/11/2007 của Bộ Tài Chính thì Công ty thực hiện các chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Đối với Văn phòng công ty

- Thuế suất thu nhập doanh nghiệp bằng 20% thu nhập chịu thuế trong thời hạn 10 năm kể từ năm 2002 đến 2012, thời gian sau ưu đãi áp dụng thuế suất 25%.

- Doanh nghiệp được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 (hai) kể từ năm 2002 đến năm 2003 và giảm 50% (năm mươi phần trăm) thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 6 (sáu) năm kể từ năm 2004 đến năm 2009.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

Đối với hoạt động kinh doanh phần mềm tại văn phòng công ty thì thuế suất thuế TNDN là 10% cho 15 năm (kể từ năm 2002 đến năm 2016), sau thời gian ưu đãi áp dụng thuế suất 25%. Công ty được miễn thuế TNDN trong vòng 4 năm (từ năm 2002 đến năm 2005), giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2006 đến năm 2014). Năm 2008 là năm thứ 3 được miễn 50% thuế TNDN.

Đối với Chi Nhánh Bắc Ninh

- Thuế suất thu nhập doanh nghiệp bằng 10% thu nhập chịu thuế trong thời hạn 15 năm kể từ năm 2004 đến 2018, thời gian sau ưu đãi áp dụng thuế suất 25%. Đối với hoạt động khác có mức thuế suất là 28%.

- Doanh nghiệp được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 (bốn) kể từ năm 2004 đến năm 2007 và giảm 50% (năm mươi phần trăm) thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 (chín) năm kể từ năm 2008 đến năm 2016.

Riêng đối với hoạt động kinh doanh cơ sở hạ tầng tại Chi Nhánh Bắc Ninh (do Chi nhánh kinh doanh ngành nghề "Đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ cao"): Thuế suất thuế TNDN là 10% cho 15 năm từ khi dự án đi vào hoạt động kinh doanh (từ năm 2006 đến năm 2020), sau thời gian này thuế suất thuế TNDN là 25%, Chi nhánh được miễn thuế TNDN trong vòng 4 năm (từ năm 2006 đến năm 2009), giảm 50% thuế TNDN trong vòng 9 năm tiếp theo (từ năm 2010 đến năm 2018).

-Doanh nghiệp đã chọn phương pháp xác định doanh thu là toàn bộ số tiền bên thuê trả trước cho nhiều năm do vậy theo quy định tại Tiết h Điểm 3 Mục II Phần B Thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2007 thì thu nhập chịu thuế được miễn thuế, giảm thuế bằng (=) tổng thu nhập chịu thuế chia (:) số năm bên thuê trả tiền trước nhân (x) với số năm được miễn thuế, giảm thuế.

Đối với Chi Nhánh Tân Tạo

- Thuế suất thu nhập doanh nghiệp bằng 28% thu nhập chịu thuế.

Cách chính sách thuế khác

- Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

- Theo quy định hiện hành, số liệu thuế sẽ được cơ quan thuế quyết toán. Các khoản chênh lệch giữa số thuế theo quyết toán và khoản dự trừ thuế (nếu có) sẽ được điều chỉnh ngay sau khi có kết quả quyết toán thuế.

Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Các khoản lỗ sau khi quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được chuyển sang các năm sau theo kế hoạch chuyển lỗ đăng ký với cơ quan thuế.

15 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1 Tiền	31/12/2008	01/01/2008
Tiền mặt	5,525,268,952	544,060,440
Văn phòng Công ty	721,947,388	479,769,844
Chi nhánh Bắc Ninh	17,628,001	44,046,396
Chi nhánh Tân Tạo	4,785,693,563	20,244,200

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

Tiền gửi ngân hàng	8,014,605,348	10,309,163,949
Văn phòng Công ty	2,120,240,738	4,732,398,444
Chi nhánh Bắc Ninh	5,212,517,642	5,453,205,876
Chi nhánh Tân Tạo	681,846,968	123,559,629
Tiền đang chuyển	-	-
Tổng cộng	13,539,874,300	10,853,224,389
2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	31/12/2008	01/01/2008
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		-
Văn phòng Công ty	35,000,000,000	-
Chi nhánh Tân Tạo	5,000,000,000	-
Tổng cộng	40,000,000,000	-
3 Các khoản phải thu ngắn hạn	31/12/2008	01/01/2008
3.1 Phải thu khách hàng	43,675,811,052	7,647,637,156
Văn phòng Công ty	34,072,113,516	5,679,965,306
Chi nhánh Bắc Ninh	9,603,697,536	1,967,671,850
Chi nhánh Tân Tạo	-	-
3.2 Trả trước người bán	3,192,686,968	66,143,569,459
Văn phòng Công ty	1,553,460,188	62,404,868,679
Chi nhánh Bắc Ninh	1,639,226,780	3,738,700,780
Chi nhánh Tân Tạo	-	-
3.3 Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-
Văn phòng Công ty	-	-
Chi nhánh Bắc Ninh	-	-
Chi nhánh Tân Tạo	-	-
3.4 Phải thu khác	74,286,931,845	63,589,643,667
Phải thu khác	74,286,931,845	63,589,643,667
Văn phòng Công ty	29,642,000	15,000,000
Chi nhánh Bắc Ninh	74,257,289,845	63,574,643,667
Chi nhánh Tân Tạo	-	-
Tổng Cộng	121,155,429,865	137,380,850,282
Dự phòng phải thu khó đòi (-)	-	-
Giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn	121,155,429,865	137,380,850,282
4 Hàng tồn kho	31/12/2008	01/01/2008
Văn phòng Công ty	1,543,511,052	11,363,681,182
Nguyên vật liệu	38,186,402	38,186,402
Chi phí sản xuất dở dang	1,505,324,650	11,325,494,780
Hàng hoá	-	-
Chi nhánh Bắc Ninh	-	-
Chi phí sản xuất dở dang	-	-
Chi nhánh Tân Tạo	14,988,234,089	173,783,257,434
Hàng hoá	14,988,234,089	173,783,257,434
Tổng Cộng	16,531,745,141	185,146,938,616
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (-)	-	-
Cộng giá trị thuần hàng tồn kho	16,531,745,141	185,146,938,616

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

5 Tài sản ngắn hạn khác

5.1 Chi phí trả trước ngắn hạn	31/12/2008	01/01/2008
Văn phòng Công ty		
Số đầu năm	103,786,305	89,157,521
Phát sinh trong năm	246,122,390	263,460,793
Kết chuyển chi phí	161,613,493	248,832,009
Số cuối năm	188,295,202	103,786,305

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm các chi phí về công cụ dụng cụ phân bổ.

Chi phí trả trước được kết chuyển vào chi phí theo nguyên tắc phân bổ vào chi phí không quá 12 tháng kể từ khi phát sinh chi phí này.

5.2 Thuế GTGT được khấu trừ	31/12/2008	01/01/2008
Văn phòng Công ty	6,787,635,793	2,713,306,674
Chi nhánh Bắc Ninh	3,658,499,606	-
Chi nhánh Tân Tạo	161,926,190	16,524,769,455
Cộng	10,608,061,589	19,238,076,129

5.3 Thuế và các khoản phải thu nhà nước	31/12/2008	01/01/2008
Văn phòng Công ty	-	-
Chi nhánh Bắc Ninh	-	-
Chi nhánh Tân Tạo	-	-
Cộng	-	-

5.4 Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2008	01/01/2008
Tạm ứng	8,303,969,686	635,503,065
Văn phòng Công ty	94,011,682	468,247,305
Chi nhánh Bắc Ninh	8,112,650,302	163,655,760
Chi nhánh Tân Tạo	97,307,702	3,600,000
Ký quỹ ngắn hạn	-	138,281,188
Văn phòng Công ty	-	138,281,188
Chi nhánh Bắc Ninh	-	-
Chi nhánh Tân Tạo	-	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	1,710,000
Văn phòng Công ty	-	1,710,000
Chi nhánh Bắc Ninh	-	-
Chi nhánh Tân Tạo	-	-
Cộng	8,303,969,686	775,494,253
Tổng cộng	19,100,326,477	20,117,356,687

6 Tài sản cố định :

6.1 Tài sản cố định vô hình: Thuyết minh tại trang 31

6.2 Tài sản cố định hữu hình: Thuyết minh tại trang 32

7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2008	01/01/2008
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cho các dự án:		
Văn phòng Công ty	64,819,199,895	1,814,750,000
Dự Án nhà xưởng tại Khu Công Nghiệp Tân Phú Trung	59,304,241,199	1,814,750,000
Dự án 300 A-B Nguyễn Tất Thành	1,426,117,487	-
Dự án khu Resort Kon Plong	177,669,589	-
Dự án Công Viên Phần Mềm Thủ Thiêm	3,911,171,620	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

Chi nhánh Bắc Ninh		121,071,904,350	99,218,752,592
Dự án KCN Công Nghệ Cao Đại Đồng - Hoàn Sơn		119,783,383,350	99,152,651,592
Dự án Cụm Công nghiệp Nam Sông Hồng		1,276,521,000	43,101,000
Khảo sát địa chất CT Nhà xưởng Lô A5		-	23,000,000
Dự án Khu đô thị mới Bắc Tân Lập		12,000,000	-
Chi nhánh Tân Tạo		-	-
Tổng cộng		185,891,104,245	101,033,502,592
8 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			
8.1 Đầu tư vào công ty con		31/12/2008	01/01/2008
Tên công ty con	Tỷ lệ sở hữu	Chi phí đầu tư	
Công ty Cổ Phần Thanh Toán Trực Tuyến Cộng Đồng Việt	55%	14,607,645,133	-
Công ty Cổ Phần Truyền Thông VTC - Saigon Tel	51%	31,690,000,000	-
Công ty Cổ Phần Dệt may Viễn Thông Sài Gòn Vina	52%	104,000,000,000	120,000,000,000
Cộng		150,297,645,133	120,000,000,000
8.2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		31/12/2008	01/01/2008
Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ góp vốn		
(a) Viện Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn	50%	3,005,212,000	2,877,712,000
(b) Công ty Cổ phần Địa Ốc Viễn Đông Việt Nam	40%	49,800,000,000	41,200,000,000
Cộng		52,805,212,000	44,077,712,000
(a) Công ty Cổ phần công nghệ Viễn Thông Sài Gòn (SaigonTel) góp vốn đầu tư vào Viện Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn theo Chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ số 134/ĐK-KHCN.			
(b) Công ty Cổ phần công nghệ Viễn Thông Sài Gòn (SaigonTel) - Đại diện Ông Đặng Thành Tâm góp vốn đầu tư thành lập Công ty Cổ phần Địa Ốc Viễn Đông Việt Nam với số vốn góp là 49.800.000.000 VNĐ chiếm 40% so với vốn điều lệ của Công ty Viễn Đông.			
8.3 Đầu tư dài hạn khác		31/12/2008	01/01/2008
Tên công ty đầu tư dài hạn khác			
Công ty CP ĐTXD & VLXD SG		5,000,000,000	5,000,000,000
Công ty CP Khóang Sản Sài Gòn Quy Nhơn		200,000,000,000	200,000,000,000
Ngân hàng TMCP Miền Tây		208,050,000,000	183,000,000,000
Công ty CP Chứng Khoán Kim Long		-	30,000,000,000
Công ty CPĐT & PTHH Khu Công Nghệ Cao Sài Gòn		21,000,000,000	21,000,000,000
Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Bản Việt		15,000,000,000	15,000,000,000
Công ty Cổ phần ĐTPT Trường ĐHHV		5,000,000,000	5,000,000,000
Dự Án 300A-B Nguyễn Tất Thành		16,000,000,000	-
Đầu tư khác		83,745,525,000	83,245,025,000
Cộng		553,795,525,000	542,245,025,000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (-)		-	-
Tổng Cộng		756,898,382,133	706,322,737,000
9 Tài sản dài hạn khác			
9.1 Chi phí trả trước dài hạn		31/12/2008	01/01/2008
Văn phòng Công ty			
Số đầu năm		422,485,324	127,727,651

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

Phát sinh trong năm	11,886,478,878	513,265,298
Kết chuyển chi phí	909,753,114	218,507,625
Số cuối năm	11,399,211,088	422,485,324
Chi nhánh Bắc Ninh		
Số đầu năm	-	-
Phát sinh trong năm	126,155,155	-
Kết chuyển chi phí	-	-
Số cuối năm	126,155,155	-
Chi nhánh Tân Tạo		
Số đầu năm	97,250,425	-
Phát sinh trong năm	-	137,290,425
Kết chuyển chi phí	68,640,000	40,040,000
Số cuối năm	28,610,425	97,250,425
Công ty Sài Gòn Tel		
Số dư đầu năm	519,735,749	127,727,651
Cộng: phát sinh tăng trong kỳ	12,012,634,033	650,555,723
Trừ: kết chuyển chi phí trong kỳ	978,393,114	258,547,625
Số dư cuối năm	11,553,976,668	519,735,749

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí về sửa chữa văn phòng làm việc và CCDC phân bổ.

Chi phí trả trước được kết chuyển vào chi phí theo nguyên tắc phân bổ vào chi phí không quá 3 năm kể từ khi phát sinh chi phí này.

9.2 Tài sản dài hạn khác	31/12/2008	01/01/2008
Văn phòng Công ty	136,728,623	264,764,608
Đặt cọc thuê nhà	-	158,697,264
Ký quỹ điện thoại quốc tế	10,000,000	10,000,000
Ký quỹ Công ty xây dựng Cửu Long	-	-
Ký quỹ Công ty LD KCN VN - SIN	38,198,250	14,502,600
Ký quỹ ngân hàng	88,530,373	81,564,744
Chi nhánh Tân Tạo	15,000,000	15,000,000
Chi tiền đặt cọc làm Đại lý Viettel	15,000,000	15,000,000
Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	151,728,623	279,764,608
Tổng Cộng	11,705,705,291	799,500,357

10 Nợ ngắn hạn

10.1 Vay và nợ ngắn hạn	31/12/2008	01/01/2008
(a) Văn phòng Công ty	40,693,090,909	6,224,000,000
(*) Vay ngắn hạn	21,000,000,000	-
(**) Nợ dài hạn đến hạn trả	19,693,090,909	6,224,000,000
(b) Chi nhánh Bắc Ninh	-	-
Vay ngắn hạn	-	-
(c) Chi nhánh Tân Tạo	-	142,313,000,000
Vay ngắn hạn	-	142,313,000,000
Cộng	40,693,090,909	148,537,000,000

(a) Chi tiết các khoản nợ vay	Số dư nợ vay đầu kỳ	Vay trong kỳ	Trả trong kỳ	Số dư nợ vay cuối kỳ
BIDV BANK	6,224,000,000	-	6,224,000,000	-
VIETCOMBANK-CN	142,313,000,000	-	142,313,000,000	-
Phú Thọ	-	21,000,000,000	-	21,000,000,000
Cty ĐTPT HT KCN	-	19,693,090,909	-	19,693,090,909
Vay DH đến hạn (-)	148,537,000,000	19,693,090,909	148,537,000,000	19,693,090,909
Cộng	148,537,000,000	40,693,090,909	148,537,000,000	40,693,090,909

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

(*) Chi tiết các khoản nợ vay ngắn hạn		
Khoản vay của Công Ty CP Đầu Tư Phát Triển Hạ Tầng Khu Công Nghệ Cao Sài Gòn. theo hợp đồng vay vốn số 03-2008/HĐVV, ngày 24/11/2008.		
Lãi suất: 0,01%/ tháng		
Thời hạn cho vay: 06 tháng, ngày đáo hạn 24/5/2009.		
(**) Chi tiết nợ dài hạn đến hạn trả bao gồm		19,693,090,909
Ngân hàng Nam Việt (khoản vay 21 tỷ) :		2,624,000,000
Ngân Hàng Đầu Tư - dự án Kinh Bắc :		5,424,000,000
Ngân Hàng Miền Tây - dự án Kinh Bắc (khoản vay 25 tỷ) :		3,409,090,909
Ngân Hàng Miền Tây - dự án Kinh Bắc (khoản vay 35 tỷ) :		8,236,000,000
10.2 Phải trả người bán	31/12/2008	01/01/2008
Văn phòng Công ty	2,530,839,063	1,772,208,632
Chi nhánh Bắc Ninh	8,087,180,590	37,300,000
Chi nhánh Tân Tạo	6,400,000,000	-
Cộng	17,018,019,653	1,809,508,632
10.3 Người mua trả tiền trước	31/12/2008	01/01/2008
Văn phòng Công ty	1,654,113,678	4,083,740,110
Chi nhánh Bắc Ninh	41,306,790,300	11,903,256,326
Chi nhánh Tân Tạo	-	-
Cộng	42,960,903,978	15,986,996,436
10.4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	31/12/2008	01/01/2008
Văn phòng Công ty	107,953,939	1,590,289,425
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2,124,795	1,564,256,092
Thuế thu nhập cá nhân	105,829,144	26,033,333
Chi nhánh Bắc Ninh	1,656,018,938	40,285,038,347
Thuế giá trị gia tăng	-	11,318,764,794
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,629,197,068	28,966,273,553
Thuế thu nhập cá nhân	26,821,870	-
Chi nhánh Tân Tạo	375,628,454	2,205,162,321
Thuế thu nhập doanh nghiệp	375,628,454	2,205,162,321
Cộng	2,139,601,331	44,080,490,093
10.5 Phải trả người lao động	31/12/2008	01/01/2008
Văn phòng Công ty	963,395,358	462,832,930
Chi nhánh Bắc Ninh	-	-
Chi nhánh Tân Tạo	-	-
Cộng	963,395,358	462,832,930
10.6 Chi phí phải trả	31/12/2008	01/01/2008
Văn phòng Công ty	2,557,937,506	2,904,066,205
Trích trước chi phí lãi vay	1,589,611,778	1,087,265,785
Trích trước chi phí tòa nhà Quang Trung	-	1,534,230,230
Chi phí khác	968,325,728	282,570,190
Chi nhánh Bắc Ninh	138,947,023,950	123,686,399,951
Trích trước giá vốn của hoạt động cho thuê đất và chuyển nhượng QSDĐ	138,947,023,950	123,686,399,951
Chi nhánh Tân Tạo	-	-
Cộng	141,504,961,456	126,590,466,156

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

10.7 Phải trả nội bộ		31/12/2008		01/01/2008
Văn phòng Công ty		-		-
Chi nhánh Bắc Ninh		-		-
Chi nhánh Tân Tạo		-		-
Cộng		-		-
10.8 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		31/12/2008		01/01/2008
Văn phòng Công ty		159,393,043,446		182,528,969,380
Kinh phí công đoàn		7,187,840		26,789,700
Bảo hiểm xã hội		25,940,378		(4,900)
Các khoản phải trả, phải nộp khác		159,359,915,228		182,502,184,580
Chi nhánh Bắc Ninh		6,524,600		-
Các khoản phải trả, phải nộp khác		6,524,600		-
Chi nhánh Tân Tạo		706,400		-
Các khoản phải trả, phải nộp khác		706,400		-
Cộng		159,400,274,446		182,528,969,380
Tổng Cộng		404,680,247,132		519,996,263,627
Dự phòng phải trả ngắn hạn (-)		-		-
Giá trị thuần các khoản Nợ ngắn hạn		404,680,247,132		519,996,263,627
11 Nợ dài hạn				
11.1 Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác		31/12/2008		01/01/2008
Văn phòng Công ty		1,449,698,831		1,716,930,586
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		1,449,698,831		1,716,930,586
Chi nhánh Bắc Ninh		-		-
Chi nhánh Tân Tạo		-		-
Cộng		1,449,698,831		1,716,930,586
11.2 Vay và nợ dài hạn		31/12/2008		01/01/2008
Văn phòng Công ty		101,946,909,091		87,927,448,697
Chi nhánh Bắc Ninh		27,523,000,000		-
Cộng		129,469,909,091		87,927,448,697
Chi tiết các khoản nợ vay ngân hàng	Số dư nợ vay đầu kỳ	Vay trong kỳ	Trả trong kỳ	Số dư nợ vay cuối kỳ
(a) BIDV BANK	23,064,000,000	-	5,424,000,000	17,640,000,000
(b) NAVI BANK	61,087,448,697	21,000,000,000	38,087,448,697	44,000,000,000
(c) WESTERN BANK	10,000,000,000	50,000,000,000	-	60,000,000,000
(d) NH Công Thương CN Bắc Ninh	-	27,523,000,000	-	27,523,000,000
Trừ vay DH đến hạn	6,224,000,000	19,693,090,909	6,224,000,000	19,693,090,909
Cộng	87,927,448,697	51,306,909,091	37,287,448,697	129,469,909,091

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

Khoản vay dài hạn 17.640.000.000 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Tp Hồ Chí Minh theo hợp đồng số 00310/2005/0000220 ngày 02 tháng 05 năm 2005, trong hạn mức tín dụng 55.200.000.000 VND với lãi suất tiền (a) gửi tiết kiệm 12 tháng + 3%/năm. Mục đích sử dụng tiền vay: đền bù, giải toả, xây dựng cơ sở hạ tầng cho toàn bộ dự án Khu Công Nghiệp CNTT Kinh Bắc - Bắc Ninh, thời gian vay 84 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng chính tài sản hình thành từ vốn vay.

(b) Khoản vay dài hạn trên bao gồm:

Khoản vay dài hạn 21.000.000.000 Ngân hàng TMCP Nam Việt theo hợp đồng số 080762/TDTH ngày 19 tháng 08 năm 2008, trong hạn mức tín dụng 21.000.000.000 VND với lãi suất bằng lãi suất tiền gửi 12 tháng loại lãnh lãi cuối kỳ và bậc thang cao nhất + 6,8%/năm. Mục đích sử dụng tiền vay: thực hiện dự án đầu tư xây dựng KCN Tân Phú Trung Củ Chi, thời gian vay 60 tháng (ân hạn 12 tháng - phần nợ gốc). Khoản vay này được đảm bảo bằng chính tài sản hình thành từ vốn vay.

Khoản vay dài hạn 23.000.000.000 tại Ngân hàng TMCP Nam Việt theo hợp đồng số 070234 ngày 21 tháng 08 năm 2007, trong hạn mức tín dụng 40.000.000.000 VND với lãi suất bằng lãi suất tiền gửi 12 tháng loại bậc thang cao nhất + 1,84%/năm. Mục đích sử dụng tiền vay: thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà xưởng chất lượng cao tại KCN Tân Phú Trung, Củ Chi, Tp.HCM, thời gian vay 72 tháng (ân hạn 18 tháng - phần nợ gốc). Khoản vay này được bảo đảm bằng Quyền sử dụng đất của các lô đất tại KCN Tân Phú Trung, Củ Chi do Công ty Sài Gòn Tel làm chủ sở hữu.

(c) Khoản vay dài hạn 35.000.000.000 tại Ngân hàng TMCP Miền Tây theo hợp đồng số 5203/2008/HĐTD-DN.HCM ngày 29 tháng 3 năm 2008, trong hạn mức tín dụng 35.000.000.000 VND với lãi suất bằng lãi suất tiền gửi 12 tháng +0,4%/tháng. Mục đích sử dụng tiền vay: đền bù, san lấp KCN Đại Đồng Hoàn Sơn 1, tỉnh Bắc Ninh, thời gian vay 60 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng chính tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

Khoản vay dài hạn 25.000.000.000 từ Ngân hàng TMCP Miền Tây theo hợp đồng số 2007/HĐTD-DN ngày 18 tháng 10 năm 2007, trong hạn mức tín dụng 25.000.000.000 VND với lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng +1,84%/năm. Mục đích sử dụng tiền vay: đền bù, giải toả 66 ha đất trong KCN Đại Đồng Hoàn Sơn 1, tỉnh Bắc Ninh, thời gian vay 07 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng chính tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Công Thương Bắc Ninh, theo hợp đồng số 01/HĐTD-SGT năm 2008, trong hạn mức tín dụng 80.000.000.000 VND với lãi suất tiền gửi tiết kiệm 24 tháng trả lãi cuối kỳ cộng biên độ tối thiểu 3,2%/năm. (d) Mục đích sử dụng tiền vay: đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu Công Nghiệp Đại Đồng Hoàn Sơn giai đoạn 61,59 ha. Thời hạn 36 tháng. Phương thức cho vay theo dự án đầu tư. Thời hạn rút tiền vay theo tiến độ thực hiện dự án đầu tư. Khoản vay này được đảm bảo bằng chính tài sản hình thành từ vốn vay.

12 Vốn Chủ Sở Hữu: (Thuyết minh chi tiết tại trang 33)

a). Tình hình tăng giảm vốn	Đầu năm	Tăng	Giảm	Cuối năm
Vốn đầu tư (vốn góp)	450,000,000,000	135,000,000,000	-	585,000,000,000
LN chưa phân phối	151,491,419,632	210,847,962,620	274,359,146,169	87,980,236,083
Cộng	601,491,419,632	345,847,962,620	274,359,146,169	672,980,236,083
b). Lợi nhuận chưa phân phối			31/12/2008	01/01/2008
Văn phòng Công ty				
- Số dư đầu năm			14,132,273,463	1,318,107,153
Tăng trong năm			150,165,532,230	14,361,127,309
+ Lợi nhuận tăng trong năm nay			12,806,386,061	14,361,127,309
+ Điều chỉnh tăng khác			137,359,146,169	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

Giảm trong năm	137,000,000,000	1,546,960,999
+ Thuế TNDN phải nộp	-	-
+ Trích lập các quỹ	2,000,000,000	-
+ Tăng nguồn vốn	135,000,000,000	1,500,000,000
+ Điều chỉnh giảm khác	-	46,960,999
- Số dư cuối năm	27,297,805,693	14,132,273,463
Chi nhánh Bắc Ninh		
- Số dư đầu năm	131,339,627,347	18,177,364,939
Tăng trong năm	57,818,865,129	116,308,991,666
+ Lợi nhuận tăng trong năm nay	57,818,865,129	116,308,991,666
+ Điều chỉnh tăng khác	-	-
Giảm trong năm	131,339,627,347	3,146,729,258
+ Tạm chia cổ tức năm nay	-	-
+ Trích lập các quỹ	-	600,000,000
+ Điều chỉnh giảm khác	131,339,627,347	2,546,729,258
- Số dư cuối năm	57,818,865,129	131,339,627,347
Chi nhánh Tân Tạo		
- Số dư đầu năm	6,019,518,822	-
Tăng trong năm	2,863,565,261	6,019,518,822
+ Lợi nhuận tăng trong năm nay	2,863,565,261	6,019,518,822
+ Điều chỉnh tăng khác	-	-
Giảm trong năm	6,019,518,822	-
+ Thuế TNDN phải nộp	-	-
+ Điều chỉnh giảm khác	-	-
+ Điều chỉnh giảm khác	6,019,518,822	-
- Số dư cuối năm	2,863,565,261	6,019,518,822
Công ty Sài Gòn Tel		
- Số dư đầu năm	151,491,419,632	19,495,472,092
Tăng trong năm	210,847,962,620	136,689,637,797
+ Lợi nhuận tăng trong năm nay	73,488,816,451	136,689,637,797
+ Điều chỉnh tăng khác	137,359,146,169	-
Giảm trong năm	274,359,146,169	4,693,690,257
+ Trích lập các quỹ	2,000,000,000	2,100,000,000
+ Tăng nguồn vốn	135,000,000,000	-
+ Điều chỉnh giảm khác	137,359,146,169	2,593,690,257
- Số dư cuối năm	87,980,236,083	151,491,419,632
c). Các giao dịch về vốn với các CSH và phân phối cổ tức, LN	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	450,000,000,000	50,000,000,000
Vốn góp tăng trong năm	135,000,000,000	404,211,000,000
Vốn góp giảm trong năm	-	4,211,000,000
Vốn góp cuối năm	585,000,000,000	450,000,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-
d). Cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	76,500,000	63,000,000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	58,500,000	45,000,000
Cổ phiếu thường	58,500,000	45,000,000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu thường	5	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	58,499,995	45,000,000
Cổ phiếu thường	58,499,995	45,000,000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

	Năm nay	Năm trước
13 Nguồn kinh phí và quỹ khác		
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	690,159,273	86,716,939
Văn phòng Công ty	659,509,272	11,000,272
Chi nhánh Bắc Ninh	30,650,001	75,716,667
Chi nhánh Tân Tạo	-	-
Tổng cộng	690,159,273	86,716,939

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

 Quỹ khen thưởng: Thưởng cho cán bộ công nhân viên trong công ty.

 Quỹ phúc lợi: Chi cho các hoạt động phúc lợi trong công ty.

VI THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HĐKD.

	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Tổng Doanh Thu	1,085,562,689,070	851,215,587,725
Văn phòng Công ty	32,442,871,087	31,087,654,681
Chi nhánh Bắc Ninh	328,013,400,000	258,765,336,176
Chi nhánh Tân Tạo	725,106,417,983	561,362,596,868
Các khoản giảm trừ doanh thu (chi nhánh Bắc Ninh)	222,808,042,300	-
Doanh thu thuần	862,754,646,770	851,215,587,725

	Năm nay	Năm trước
2 Giá vốn hàng bán		
Văn phòng Công ty	27,112,909,625	13,663,928,630
Chi nhánh Bắc Ninh	46,035,145,818	116,771,129,421
Chi nhánh Tân Tạo	719,821,624,142	553,076,607,522
Tổng Cộng	792,969,679,585	683,511,665,573

	Năm nay	Năm trước
3 Doanh thu hoạt động tài chính		
Văn phòng Công ty	20,624,578,716	1,900,103,839
Chi nhánh Bắc Ninh	375,503,430	208,832,487
Chi nhánh Tân Tạo	546,534,947	180,195,606
Tổng Cộng	21,546,617,093	2,289,131,932

	Năm nay	Năm trước
4 Chi phí tài chính		
Văn phòng Công ty	7,642,334,635	1,301,646,584
Chi nhánh Bắc Ninh	23,605,333	168,680,590
Chi nhánh Tân Tạo	1,173,605,615	21,284,634
Tổng Cộng	8,839,545,583	1,491,611,808

	Năm nay	Năm trước
5 Chi phí bán hàng		
Văn phòng Công ty	137,340,003	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

Chi nhánh Bắc Ninh	-	268,218,700
Chi nhánh Tân Tạo	34,166,462	27,029,972
Tổng Cộng	171,506,465	295,248,672
6 Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
Văn phòng Công ty	5,344,060,494	2,240,368,789
Chi nhánh Bắc Ninh	1,247,041,732	763,821,010
Chi nhánh Tân Tạo	767,131,349	542,678,448
Tổng Cộng	7,358,233,575	3,546,868,247
7 Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
Văn phòng Công ty	7,726,168,890	228,844,899
Chi nhánh Bắc Ninh	29,700	-
Chi nhánh Tân Tạo	-	485,690,910
Tổng Cộng	7,726,198,590	714,535,809
8 Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
Văn phòng Công ty	7,750,587,875	55,735,850
Chi nhánh Bắc Ninh	2,912	20,885
Chi nhánh Tân Tạo	67,200	440,000
Tổng Cộng	7,750,657,987	56,196,735
9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1,449,022,807	28,628,026,633
Lợi nhuận kế toán trước thuế	74,937,839,258	165,317,664,431
Văn phòng Công ty	12,806,386,061	15,954,923,566
Chi nhánh Bắc Ninh	58,275,095,035	141,002,298,057
Chi nhánh Tân Tạo	3,856,358,162	8,360,442,808
Các khoản điều chỉnh tăng	168,888,889	30,000,000
Văn phòng Công ty	168,821,889	30,000,000
Chi nhánh Tân Tạo	67,000	-
Các khoản điều chỉnh giảm	20,278,695,554	46,961,000
Văn phòng Công ty	20,278,695,554	46,961,000
Thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế	54,828,032,593	165,300,703,431
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	10% - 20% - 28%	10% - 20% - 28%
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp	7,169,487,901	34,460,181,484
Văn phòng Công ty	-	3,187,592,513
Chi nhánh Bắc Ninh	6,089,688,800	28,931,664,985
Chi nhánh Tân Tạo	1,079,799,101	2,340,923,986
Thuế Thu nhập doanh nghiệp được miễn	5,720,465,094	5,832,154,851
Văn phòng Công ty	-	1,593,796,257
Chi nhánh Bắc Ninh	5,633,458,894	4,238,358,594
Chi nhánh Tân Tạo	87,006,200	-
Điều chỉnh Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào Chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1,449,022,807	28,628,026,633

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

Đơn vị là Công ty cổ phần mới thành lập. Được hưởng ưu đãi về đầu tư theo luật doanh nghiệp về chế độ miễn và giảm thuế theo quy định của nhà nước.

Văn phòng Công ty

Đối với Văn phòng Công ty Cổ Phần Công Nghệ - Viễn Thông Sài Gòn: Thuế suất thuế TNDN là 20% trong thời hạn 10 năm (từ năm 2002 đến 2012), sau thời gian ưu đãi áp dụng thuế suất 25%. Công ty được miễn thuế TNDN trong vòng 2 năm (năm 2002 và năm 2003), giảm 50% thuế TNDN trong 6 năm tiếp theo (từ năm 2004 đến năm 2009). (Năm 2008 là năm thứ 5 được miễn 50% thuế TNDN).

Đối với hoạt động kinh doanh phần mềm tại văn phòng công ty thì thuế suất thuế TNDN là 10% cho 15 năm (kể từ năm 2002 đến năm 2016), sau thời gian ưu đãi áp dụng thuế suất 25%. Công ty được miễn thuế TNDN trong vòng 4 năm (từ năm 2002 đến năm 2005), giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2006 đến năm 2014). (Năm 2008 là năm thứ 3 được miễn 50% thuế TNDN).

Chi nhánh Bắc Ninh

Đối với Chi Nhánh Công ty tại Bắc Ninh: Thuế suất thuế TNDN là 10%, Chi Nhánh được miễn thuế TNDN trong vòng 4 năm (từ năm 2004 đến năm 2007), giảm 50% thuế TNDN trong vòng 9 năm tiếp theo (từ năm 2008 đến năm 2016). Hoạt động khác có thuế suất thuế TNDN là 28%.

Riêng đối với hoạt động kinh doanh cơ sở hạ tầng tại Chi nhánh Bắc Ninh (do Chi nhánh kinh doanh ngành nghề "Đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ cao"): Thuế suất thuế TNDN là 10% cho 15 năm từ khi dự án đi vào hoạt động kinh doanh (từ năm 2006 đến năm 2020), sau thời gian này thuế suất thuế TNDN là 25%, Chi nhánh được miễn thuế TNDN trong vòng 4 năm (từ năm 2006 đến năm 2009), giảm 50% thuế TNDN trong vòng 9 năm tiếp theo (từ năm 2010 đến năm 2018).

Chi nhánh Tân Tạo

Đối với Chi nhánh Tân Tạo: Thuế suất thuế TNDN là 28%.

VII THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các khoản giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua cho thuê tài chính: không phát sinh
- Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo: không phát sinh
- Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện: không phát sinh

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không phát sinh.
- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: không phát sinh.
- Thông tin về các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong năm	Số dư cuối năm
---------------	-------------	---------------------	---------------------	----------------

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008****Đơn vị tính : Đồng Việt Nam**

Công ty Cổ Phần Thanh Toán Trực Tuyến Cộng Đồng Việt	Công ty con	Góp vốn	14,607,645,133	14,607,645,133
Công ty Cổ Phần Thanh Toán Trực Tuyến Cộng Đồng Việt	Công ty con	Mua TSCĐ từ cty con	2,042,356,176	-
		Đã trả	2,042,356,176	
Công ty Cổ Phần Thanh Toán Trực Tuyến Cộng Đồng Việt	Công ty con	Bán TSCĐ & CCDC cho cty con	452,234,007	-
		Thu tiền	452,234,007	
Công ty Cổ Phần Thanh Toán Trực Tuyến Cộng Đồng Việt	Công ty con	Bán hàng	1,553,140,287	-
		Thu tiền	1,553,140,287	
Công ty Cổ Phần Truyền Thông VTC - Saigon Tel	Công ty con	Góp vốn	31,690,000,000	31,690,000,000
Công ty Cổ Phần Dệt may Viễn Thông Sài Gòn Vina	Công ty con	Góp vốn	104,000,000,000	104,000,000,000
Công ty CP Phát Triển Đô Thị Kinh Bắc	Thành viên góp vốn	Góp vốn vào Dự Án 300 A-B Nguyễn Tất Thành và 84 Hùng Vương, Đà Nẵng.	26,500,000,000	156,000,000,000
Bà Đặng Thị Hoàng Phượng	Tổng giám đốc	Vay tiền	69,000,000,000	
		Trả tiền vay	69,000,000,000	
Ông Đặng Thành Tâm	Chủ tịch HĐQT	Vay tiền	500,000,000	500,000,000
Công ty CP Phát Triển Đô Thị Kinh Bắc	Thành viên góp vốn	Bán dịch vụ Web hosting, hệ thống mạng cáp thông tin		
		Thu tiền	10,834,338	
		Phải thu	363,878,579	988,038,493
Viện Công Nghệ Viễn Thông	Công ty liên doanh, liên kết	Bán hàng	100,640,002	
		Thu tiền	100,563,661	

5 Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

6 Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh được sắp xếp và trình bày lại cho phù hợp với sự trình bày của năm hiện hành.

Trên Bảng Cân đối kế toán năm 2007, Công ty đã trình bày khoản Phải thu nội bộ và khoản phải trả nội bộ tại mã số 133 và 317 với số tiền là 172.979.266.655vnd. Số liệu này đã được loại trừ trong Bảng Cân đối kế toán năm 2008 ở cột số liệu so sánh.

7 Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình kinh doanh.

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2008	Năm 2007
Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Bố trí cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn / Tổng số tài sản	%	17,39%	29,19%
Tài sản dài hạn / Tổng số tài sản	%	82,61%	70,81%
Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	44,29%	50,33%
Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	55,71%	49,67%
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,26	1,99
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	0,52	0,68
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,13	0,02
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên Doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	%	6,90%	19,35%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	%	6,77%	16,00%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	%	6,08%	11,29%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / nguồn vốn	%	10,91%	22,72%

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2009

KẾ TOÁN TRƯỞNG

LÊ THỊ MỸ HẠNH

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Tăng , giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm kế toán	TSVH khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm			-	-	-
- Mua trong năm	-	-	17,572,610	-	17,572,610
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm			17,572,610		17,572,610
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm			-	-	-
- Khấu hao trong năm	-	-	3,416,903	-	3,416,903
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm			3,416,903		3,416,903
Giá trị còn lại	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	14,155,707	-	14,155,707

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Máy móc thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu năm	36,594,390,539	19,059,551,573	1,415,044,187	624,051,287		57,693,037,586
- Mua trong năm	2,238,383,437	2,349,544,768	908,404,914	204,520,512	-	5,700,853,631
- Thanh lý, nhượng bán	117,595,244	10,385,095,476	447,002,002			10,949,692,722
- Giảm khác	6,583,604					6,583,604
Số dư cuối năm	38,708,595,128	11,024,000,865	1,876,447,099	828,571,799	-	52,437,614,891
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	598,072,769	6,263,150,796	736,907,517	530,236,946	-	8,128,368,028
- Khấu hao trong năm	1,553,091,454	1,686,315,306	202,661,181	74,333,553	-	3,516,401,494
- Thanh lý, nhượng bán	111,715,497	3,514,016,318	14,900,066			3,640,631,881
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	2,039,448,726	4,435,449,784	924,668,632	604,570,499	-	8,004,137,641
Giá trị còn lại của TSCĐ HH						
- Tại ngày đầu năm	35,996,317,770	12,796,400,777	678,136,670	93,814,341	-	49,564,669,558
- Tại ngày cuối năm	36,669,146,402	6,588,551,081	951,778,467	224,001,300	-	44,433,477,250

* Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay: 0 VNĐ.

* Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 457.592.677 VNĐ

* Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 VNĐ

* Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn chưa thực hiện: không.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒ

THUYẾT MINH BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ khen thưởng phúc lợi	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
-Số dư đầu năm trước	50,000,000,000	-	-	-	-	19,495,472,092	69,495,472,092
-Tăng vốn trong năm trước	404,211,000,000	-	-	-	-	-	404,211,000,000
-Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	136,689,637,797	136,689,637,797
-Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Chi quỹ	-	-	-	-	-	-	-
-Tạm trích quỹ khen thưởng tro	-	-	-	-	-	2,100,000,000	2,100,000,000
-Giảm khác	4,211,000,000	-	-	-	-	2,593,690,257	6,804,690,257
-Số dư cuối năm trước Số dư đầu năm nay	450,000,000,000	-	-	-	-	151,491,419,632	601,491,419,632
-Tăng vốn trong năm nay	135,000,000,000	-	-	-	-	(135,000,000,000)	-
-Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	73,488,816,451	73,488,816,451
-Chia cổ tức năm nay	-	-	-	-	-	-	-
-Tăng khác	-	-	-	(50,000)	-	-	(50,000)
-Chi quỹ	-	-	-	-	-	-	-
-Tạm trích quỹ khen thưởng trong năm nay	-	-	-	-	-	2,000,000,000	2,000,000,000
-Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
-Số dư cuối năm nay	585,000,000,000	-	-	(50,000)	-	87,980,236,083	672,980,186,083